

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2023

1. Môi trường Pháp Lý

Đề tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch, định hướng cho sự phát triển của công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh như:

- Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Kế hoạch 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 về thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

- Kế hoạch số 457/KH-UBND ngày 18/2/2022 triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 4900/KH-UBND ngày 05/01/2023 về kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 1543/KH-UBND ngày 27/4/2023 về kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Kế hoạch số 2533/KH-UBND ngày 07/7/2023 về phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 22/9/2023 về nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Lai Châu năm 2023 và các năm tiếp theo.

2. Kết quả đạt được

- *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)*: đã hoàn thiện và được đưa vào vận hành chính thức từ tháng 6/2023, đảm bảo liên thông cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trên NGSP với Hệ thống thông tin của tỉnh. Cụ thể:

+ 10 kết nối qua LGSP của tỉnh đã hoàn thành: *Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ kế hoạch và đầu tư); Cổng thông tin điện tử tỉnh với Tra cứu mã số bảo hiểm xã hội hộ gia đình; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống báo cáo của tỉnh với Hệ thống báo cáo của Chính phủ; Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh.*

+ 03 kết nối trực tiếp: *Cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ; Thanh toán Payment Platform giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với Thanh toán Payment Platform giữa Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh.*

- Hệ thống văn bản điện tử và kết nối liên thông với Trục văn bản quốc gia: kết nối liên thông tới 100% các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức hội do tỉnh thành lập, đã thực hiện việc kết nối với Chính phủ trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Tính đến nay đã thiết lập cho 698 cơ quan với khoảng 8.200 tài khoản. Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong phạm vi toàn tỉnh năm 2023 đạt 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử;

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và cấp xã được trang bị máy tính để thực hiện công vụ.

- Thực hiện Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đã được

chuyển đổi sang công nghệ Ipv6; được kết nối với một số hệ thống dữ liệu dùng chung của các Bộ, ngành thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Trục liên thông văn bản quốc gia; đã thực hiện kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) tại các cấp tính từ 01/1/2023 đến 12/12/2023: 90% hồ sơ công việc tại tỉnh, 88,26% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 54,65%.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế xã hội của tỉnh được thực hiện báo cáo theo triển khai và yêu cầu của Chính phủ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia tại địa chỉ <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn/>

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 31,8%.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng mạng Internet băng thông rộng, cáp quang đạt 41,5% (43.391 số hộ gia đình có kết nối/104.563 tổng số hộ gia đình).

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh 289.942 đạt 59,5% (289.942 số dân trưởng thành/ 487.340 dân số tỉnh).

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến 10.470 đạt 3,3% (10.470 tài khoản/319.273 dân số trong độ tuổi lao động).

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 53,4% (260.000 hồ sơ/ 487.340 dân số tỉnh)

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở: 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở: 100%.

- Tỷ trọng kinh tế số GRDP: 8,57% (số liệu theo báo cáo thường niên kinh tế số Việt Nam năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số: 100%;

- Đã có 12/15 = 80% số dịch vụ dữ liệu của các bộ, ngành trung ương có trên NGSP được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh; 10/15 = 67% các ứng dụng

có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua LGSP.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu: Cung cấp 1.966 dịch vụ công, trong đó: một phần là 212, toàn phần là 316, dịch vụ công còn lại là 1438. Tính từ 01/1/2023 đến 10/11/2023, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến một phần (mức độ 3) là 8.685/16.552 đạt 52,5%, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến toàn phần là 55.457/77.040 đạt 72%.

- Tích hợp 1.042 dịch vụ công trực tuyến (một phần 759; toàn trình 283) của tỉnh lên cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến năm 2023 (từ 15/12/2022 -14/12/2023) đạt 32,69% (85/260 TTHC); tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 49,52% (310/626 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 80,68% (28740/35620 hồ sơ).

- 100% Cổng, Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, tùy theo yêu cầu sử dụng sẽ được bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng và cập nhật bổ sung kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin dưới nhiều hình thức.

- 100% mạng nội bộ (LAN) các cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.

- 100% cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách công nghệ thông tin được tập huấn hoặc diễn tập về an toàn thông tin.

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ hoạt động của các cơ quan trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn, an ninh mạng để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... phục vụ kết nối, phân tích, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Ứng dụng thư điện tử công vụ: đưa vào khai thác sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh Lai Châu với quy mô 3000 hòm thư, đến nay mở rộng cấp cho 7.602 cá nhân, tổ chức trong toàn tỉnh, đảm bảo an toàn bảo mật trong giao

dịch điện tử trên môi trường mạng. Hệ thống thư điện tử tỉnh đã hỗ trợ tốt hoạt động chỉ đạo điều hành và phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức trong tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực.

- Ứng dụng chữ ký số: Đến nay, đã cấp 4.306 chữ ký số cho các cá nhân, tổ chức của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó: 3.573 chữ ký số cá nhân, 731 chữ ký số của tổ chức; 02 chứng thư số của thiết bị. Cùng với đó đã triển khai cấp 261 ký số trên thiết bị di động cho cá nhân.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh: tại địa chỉ <http://laichau.gov.vn> hoạt động ổn định, cung cấp thông tin về kinh tế xã hội; các thông tin chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh; thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Vận hành hệ thống fanpage “UBND tỉnh Lai Châu” với 40.227 người theo dõi trang và hệ thống OA “UBND tỉnh Lai Châu” trên Zalo với 13.159 người quan tâm, kịp thời tuyên truyền, cung cấp các thông tin chính thống cho người dân trên địa bàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Căn cứ Kế hoạch 3189/KH-UBND ngày 23/8/2023 Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023, chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh hưởng ứng tích cực tuyên truyền, quán triệt, phổ biến tới 100% công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

Phát động phong trào thi đua hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023. Tổ chức đồng loạt truyền thông thông điệp Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên môi trường số, gồm các trang mạng xã hội, trang, cổng thông tin điện tử; các cửa hàng điện tử, máy tính, siêu thị điện máy lớn có băng rôn, khẩu hiệu chào mừng Ngày Chuyển đổi số quốc gia phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung thông điệp theo Chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 là “Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị”.

Tổ chức thông tin, tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia dưới nhiều hình thức khác nhau như chuyên đề, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, trình chiếu phim tư liệu về lịch sử phát triển công nghệ thông tin Việt Nam; đưa tin về các hoạt động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Phát động và tổ chức Tháng 10 - Tháng tiêu dùng số.

Tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp:

Khuyến khích mỗi doanh nghiệp có ít nhất một sáng kiến chuyên đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Tổ chức phát động sáng kiến ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số.

Có các chương trình khuyến mại nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm, dịch vụ số do doanh nghiệp cung cấp (như tặng 01 tháng cước dịch vụ, tặng 10% thẻ cào, tặng quà cho khách hàng thứ 10, 101, 1010) phù hợp với quy định của pháp luật;

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các trang thông tin điện tử của doanh nghiệp; Khuyến khích các doanh nghiệp có gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm, giải pháp về chuyển đổi số trong các lĩnh vực phù hợp để triển khai trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Không bố trí được kinh phí để Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023.

1.2. Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

a) Kết quả đạt được:

- Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh; phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân, trọng tâm là Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-

2025, định hướng đến năm 2030; Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã mở mới chuyên mục Chuyển đổi số từ tháng 4/2023, thời lượng 15 phút, 02 số/tháng. Tuyên truyền nội dung an toàn thông tin, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chuyên mục “Phổ biến Chính sách pháp luật và cải cách hành chính nhà nước” (Phát sóng thứ 3 hàng tuần); tiểu mục “Thông tin, chính sách (phát sóng thứ Hai hàng tuần); chuyên mục “Kỹ năng sống” (phát sóng thứ 7 hàng tuần) và các chuyên đề, chuyên mục, chương trình tọa đàm, giao lưu; Tuyên truyền trong chương trình hàng ngày: Thời sự, Bản tin trong nước, Bản tin thế giới, Điểm báo... có nội dung về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chuyển đổi số. (Từ tháng 4/2023, Đài thực hiện mở mới chuyên mục Chuyển đổi số, phát sóng mới lúc 18h20 Chủ nhật tuần 1 và phát lại vào 18h20 CN các tuần 2,3,4 hàng tháng và 9h30 ngày Thứ Hai hàng tuần của tháng).

- Ngoài ra còn có các tin bài về chuyển đổi số thông qua tuyên truyền trên sóng Phát thanh-Truyền hình tiếng phổ thông và 4 tiếng dân tộc (Thái, Mông, Dao, Hà Nhì) góp phần tạo được nhận thức chung thống nhất về sự khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh thực hiện ứng dụng thông tin và đảm bảo an toàn thông tin; góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và các cá nhân trong việc thực hiện chuyển đổi số, an toàn thông tin trên địa bàn. Giúp các địa phương, ngành chuyên môn nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đẩy nhanh tiến độ thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin và chuyển đổi số. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý CNTT và chuyển đổi số trên địa bàn.

- Các bài/chuyên mục tiêu biểu có nội dung tuyên truyền về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và chuyển đổi số như: “ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền phổ biến pháp luật ở cơ sở” ; “Điện lực Lai Châu tích cực chuyển đổi số”; “Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với du lịch thông minh”; “Cảnh giác các thủ đoạn lừa đảo qua điện thoại và các thiết bị công nghệ”; “Đẩy mạnh công nghệ thông tin trong trường học”; “Bệnh viện đa khoa tỉnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong khám chữa bệnh”...

- UBND tỉnh đã xây dựng các kênh thông tin chính thống của tỉnh trên zalo

và facebook:

+ Official Account Zalo UBND tỉnh: <https://zalo.me/ubndtinhlaichau>

+ Fanpage của UBND tỉnh: <https://www.facebook.com/ubndtinhlaichau/>

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác tuyên truyền một số nơi, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; đa số người dân (*chủ yếu ở các xã*) chưa sử dụng điện thoại thông minh; một số thôn bản sóng điện thoại còn yếu gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Thẻ chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tỉnh ủy Lai Châu Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động, đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐCĐS ngày 5/8/2022 về Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu; Quyết định 02/QĐ-BCĐCĐS ngày 05/8/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu; Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã hoàn thành 100% việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng từ cấp tỉnh đến cấp thôn/bản/tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu với 1109 tổ chỉ đạo và tổ CNSCĐ (01 tổ chỉ đạo cấp tỉnh, 08 tổ chỉ đạo cấp huyện, 106 tổ chỉ đạo cấp xã và 994 tổ CNSCĐ cấp thôn/bản/tổ dân phố). Số lượng thành viên tham gia các tổ là 20.718 thành viên tham gia.

3. Hạ tầng số

3.1. Kết quả đạt được:

- Tỉnh đã đầu tư mạng viễn thông dùng riêng (Mạng truyền số liệu chuyên dùng) kết nối tới 100% các sở, ban, ngành tỉnh; 100% UBND huyện, thành phố; 100% UBND xã, phường, thị trấn, tốc độ trung bình 20Mbs. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: đã triển khai đến 193 điểm cầu (183 điểm cầu của VNPT gồm 167 điểm tại các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, 16 điểm tại tỉnh;

10 điểm cầu của Viettel tỉnh), ngoài ra còn ứng dụng các hệ thống học trực tuyến, họp trực tuyến theo các hình thức Web Conferencing, Video Conference... 100% liên thông 3 cấp từ UBND huyện đến UBND xã, phường, thị trấn (106 xã/106 xã).

- Trung tâm dữ liệu tỉnh đã được xây dựng đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 9250:2012, triển khai mô hình “4 lớp” an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CTTTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát không gian mạng quốc gia.

- Trang bị máy tính cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo 100%; Cán bộ, công chức cấp xã đạt 100%. 100% các cơ quan, đơn vị đã kết nối mạng LAN.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Tuy sóng di động đã phủ đến 100% xã, nhưng do địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, một số khu vực vẫn còn hiện tượng sóng yếu, lờm sóng, chưa đáp ứng lưu thoại thực tế. Những khu vực có sóng yếu, lờm sóng đều là những khu vực biên giới, địa hình hiểm trở, thưa dân cư hoặc các xã vùng sâu, vùng xa, di chuyển bất tiện, gặp nhiều khó khăn trong việc lắp đặt trạm thông tin di động. Hạ tầng băng rộng đến hộ gia đình còn thấp.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đầu tư từ năm 2014 cần được nâng cấp và quy hoạch lại.

- Hạ tầng truyền thanh cơ sở sử dụng công nghệ cũ gây nhiều nhược điểm như chất lượng âm thanh kém, không thể quản trị tập trung và chia sẻ cho các hệ thống khác nhau, mất an toàn thông tin.

- Cán bộ, công chức cấp xã chưa được trang bị đảm bảo 1 máy tính/1 người. Kinh phí đầu tư, trang bị hạ tầng CNTT còn thiếu, nhất là cấp cơ sở như xã/phường và các đơn vị sự nghiệp...

4. Dữ liệu số

4.1. Kết quả đạt được:

- Trong chuyển đổi số, dữ liệu đóng vai trò rất quan trọng, là tài sản, tài nguyên, điều kiện tiên quyết cho chuyển đổi số. Trên địa bàn tỉnh đã có 18 cơ sở dữ liệu (CSDL) của các sở, ban, ngành và địa phương như: CSDL cán bộ, công chức, viên chức do Sở nội vụ xây dựng; CSDL về công tác dân tộc do Ban dân tộc triển khai, thực hiện; CSDL thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ do Sở Lao động

- Thương binh và Xã hội vận hành; CSDL đất đai huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Thành phố Lai Châu do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và vận hành; Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý vận hành.

- Ngoài ra, các bộ, ngành cũng đang triển khai xây dựng các CSDL quốc gia và nhiều hệ thống thông tin khác để đáp ứng cho các công tác quản lý và phục vụ nhu cầu xã hội (Thuế, Tài chính, Hải quan, Đăng ký kinh doanh, Đất đai, Xây dựng, Quản lý phương tiện, cấp phép lái xe, hộ tịch, hộ chiếu...) và đang trong quá trình chia sẻ cho các địa phương.

4.2. Tồn tại, hạn chế:

- Dữ liệu số chưa được tạo lập toàn diện; hầu hết hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa được số hóa, lưu trữ và quản lý như bản vẽ quy hoạch, thiết kế xây dựng, hộ tịch, tài nguyên và môi trường...

- Dữ liệu còn cát cứ, rời rạc, chưa được chia sẻ giữa trong nội bộ tỉnh và giữa cơ quan Trung ương với địa phương do vướng các quy định chuyên ngành (công an, thông kê, bảo hiểm xã hội, thuế,..) trái với quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số; ảnh hưởng đến việc triển khai các ứng dụng.

- Việc sử dụng dữ liệu số để thay thành phần hồ sơ dịch vụ công chưa được triển khai.

- Số lượng CSDL đã được xây dựng còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

5. Nền tảng số

5.1. Kết quả đạt được:

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 phê duyệt danh mục các nền tảng số quốc gia tập trung thúc đẩy sử dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm 2022 trong đó có 11 nền tảng phục vụ chính quyền 6 nền tảng phục vụ người dân và 3 nền tảng phục vụ doanh nghiệp.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): đã hoàn thiện và được đưa vào vận hành chính thức từ tháng 6/2023, đảm bảo liên thông cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trên NGSP với Hệ thống thông tin của tỉnh.

- Tỉnh đã tập trung đầu tư nâng cấp, xây dựng, lắp đặt một số hệ thống như:

Nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử <https://laichau.biz/>; Nâng cấp hệ thống phần mềm HIS (Hospital Information System - Hệ thống thông tin bệnh viện); Xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến; Xây dựng các lớp học thông minh ứng dụng nền tảng đào tạo từ xa cho các cơ sở giáo dục phổ thông phục vụ giao ban, đào tạo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến; Xây dựng nền tảng số quản lý phương tiện, người điều khiển phương tiện cho các dịch vụ vận tải và Logistics; Xây dựng hệ thống thông tin nguồn tỉnh Lai Châu; Xây dựng cơ sở dữ liệu về trồng trọt trên địa bàn tỉnh Lai Châu...

5.2. Tồn tại, hạn chế:

- Số lượng nền tảng đưa vào sử dụng chưa nhiều, đặc biệt là các nền tảng cho các ngành, lĩnh vực có nhu cầu lớn của người dân và xã hội (y tế, giáo dục, giao thông...).

- Nền tảng đô thị/thành phố thông minh mới ở mức thí điểm theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Nhân lực số

6.1. Kết quả đạt được:

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực CNTT cho tỉnh. Tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về CNTT, tập trung các nội dung: Chuẩn kỹ năng CNTT; Kiến thức về Chính phủ điện tử và chuyển đổi số; An toàn thông tin mạng; Các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh là trên 5.000 người; cụ thể:

+ Tổ chức diễn tập, nâng cao kỹ năng an toàn thông tin, ứng cứu sự cố cho hơn 50 cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, bán chuyên trách, phụ trách an toàn thông tin, công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được tập huấn về công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

+ Đăng ký cho 428 học viên là thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện, xã; nhân sự chuyển đổi số của đơn vị chuyên trách về CNTT (Sở Thông tin và Truyền thông) và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; Lãnh đạo và nhân sự chuyển đổi số tại các cơ quan báo chí, truyền thông tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng OneTouch <https://onetouch.mic.gov.vn/> do Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

+ Tổ chức triển khai 02 khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số (Phổ cập kỹ năng số cộng đồng; An toàn Internet) trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS) cho hơn 4300 học viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tập huấn về chuyển đổi số trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị (*Sở Công thương tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023 cho hơn 100 học viên; Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực chuyển đổi số cho hơn 200 học viên*).

6.2. Tồn tại, hạn chế:

- Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước cũng như xã hội thấp.

- Nguồn nhân lực đảm nhận việc phối hợp triển khai và tổ chức quản lý vận hành các hệ thống thông tin chưa có hoặc có nhưng còn mỏng và yếu, đặc biệt ở cấp huyện, xã.

- Động lực để thay đổi thói quen làm việc hiện đại của cán bộ, công chức bị hạn chế trong điều kiện khối lượng công việc chuyên môn lớn.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Kết quả đạt được:

- Hoạt động về an toàn thông tin ngày càng diễn biến phức tạp và nguy hiểm, để đảm bảo ứng phó kịp thời với các sự cố an toàn an ninh mạng, trong thời gian qua Tỉnh đã thành lập Đội và xây dựng đầu mối ứng cứu sự cố ATTTM tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 06/9/2017, tổ chức Chương trình diễn tập an toàn thông tin từng năm để đào tạo cho cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách về CNTT và ATTT của tỉnh.

- Để đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin nhằm trang bị cho mỗi cá nhân trên địa bàn tỉnh những kiến thức và kỹ năng cơ bản để bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3278/KH-UBND ngày 13/10/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đồng thời Xây dựng và lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin, các nhiệm vụ bảo đảm an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin trong kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021, 2022 và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

- Tỉnh Lai Châu đã hoàn thành 4 lớp trong mô hình đảm bảo an toàn thông tin “4 lớp” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống SOC của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh giúp chủ động theo dõi, phân tích, phòng ngừa để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý rủi ro, sự cố an toàn thông tin mạng, giảm thiểu tối đa sự cố an toàn thông tin đối với các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của tỉnh đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 12 hệ thống đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ.

7.2. Tồn tại, hạn chế:

- Tỉnh Lai Châu luôn nằm trong các tỉnh có tỷ lệ máy tính nhiễm mã độc nhiều nhất toàn quốc.

- Công tác bảo đảm ATTTT tại một số cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh còn chưa được quan tâm đúng mức. Các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh luôn tiềm ẩn những rủi ro vì các hệ thống đều được triển khai theo mô hình tập trung, nếu bị tấn công có thể ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, việc đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử và thương mại điện tử đang đặt ra ngày càng nhiều thách thức lớn cho việc bảo đảm ATTTT.

- Nhận thức và ý thức của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về an toàn thông tin chưa đầy đủ là nguyên nhân đầu tiên làm mất an toàn cho các thiết bị kết nối của cá nhân và cơ quan, đơn vị. Đội ngũ cán bộ chuyên viên phụ trách an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, cần được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin.

- Lực lượng cán bộ chuyên trách, có trình độ, khả năng tiếp cận, xử lý các

tình huống không có hoặc hạn chế dẫn tới khó hoặc không thể khắc phục các sự cố mất ATTTT.

- Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin của tỉnh nói chung và công tác đảm bảo ATTTT nói riêng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; Giải pháp phòng, chống mã độc tập trung chưa được triển khai đầy đủ dẫn đến thiếu tính đồng bộ nên khả năng phòng, chống mã độc, bảo mật chưa cao.

8. Chính quyền số

8.1. Kết quả đạt được:

- Tỉnh đã đầu tư phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ hoạt động của các cơ quan trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu, tiến hành đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn, an ninh mạng để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... phục vụ kết nối, phân tích, quản lý các nguồn lực, dữ liệu một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Tập trung đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của các cơ quan như: Hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống báo cáo, hệ thống thư điện tử công vụ; các ứng dụng nghiệp vụ quản lý như tài chính, kế toán, quản lý nhân sự,... các ứng dụng chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; họp trực tuyến, làm việc từ xa...

- Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng.

- Tích hợp các dịch vụ theo hướng tập trung phục vụ người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả các lĩnh vực và trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau. Người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần để giải quyết thủ tục hành chính. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xem xét giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự cơ quan chuyên trách, đầu mối về chuyển đổi số của tỉnh bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao; phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin bảo đảm công tác triển khai chuyển đổi số ở các ngành, các cấp.

- Triển khai hiệu quả hệ thống CSDL và hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ban, ngành và các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn, đảm bảo liên thông trong kết nối giữa cơ quan Đảng và chính quyền.

8.2. Tồn tại, hạn chế:

Tỷ lệ người dân tham gia sử dụng dịch vụ công do cơ quan nhà nước, doanh nghiệp cung cấp còn nhiều hạn chế. Phần lớn người dân trên địa bàn tỉnh không có kiến thức về công nghệ thông tin hoặc sử dụng thiết bị di động để tìm hiểu và tham gia giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến khi có nhu cầu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và chưa đồng bộ. Việc kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương còn hạn chế. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số ở một số thôn, bản vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

9. Kinh tế số

9.1. Kết quả đạt được:

- Tạo cơ chế pháp lý cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1344/KH-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phát triển thương mại điện tử tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 453/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030"; Kế hoạch số

3096/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động, tích cực hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và triển khai công nghệ mới, tiên tiến theo quy định; ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để chuyển đổi cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

- Phát triển sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh, tăng cường hoạt động kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp giải pháp chuyển đổi số với các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, đảm bảo phù hợp với đặc thù, yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực.

- Ưu tiên sử dụng nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; ưu tiên sử dụng nguồn lực theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Khuyến khích các hội, hiệp hội doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, phổ biến, cập nhật các xu hướng chuyển đổi số, mô hình, giải pháp công nghệ số trong lĩnh vực chuyên ngành, tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, đặc biệt là kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu cho người lao động.

- Các mục tiêu về phát triển kinh tế số đã được quan tâm đạt được một số mục tiêu cụ thể như:

+ Tỷ trọng kinh tế số GRDP: chưa có số liệu năm 2023 (Kết quả năm 2022 là 8,57%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số: 100%;

9.2. Tôn tại, hạn chế:

Hoạt động phát triển doanh nghiệp công nghệ số của toàn tỉnh rất hạn chế. Tổng giá trị xuất khẩu số của doanh nghiệp trên địa bàn, giá trị xuất khẩu về ICT là 0%.

10. Xã hội số

10.1. Kết quả đạt được:

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số; đào tạo, hướng dẫn, phổ cập thông tin, kỹ năng số, bao gồm kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng, sử dụng các dịch vụ số của tỉnh.

- Phát triển và khai thác sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương; tăng cường quảng bá bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử, các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Đề đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để quản lý tập trung các đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, bảng tin điện tử công cộng và các phương tiện thông tin cơ sở khác trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu về phát triển xã hội cũng đã được chú trọng đạt được một số mục tiêu cụ thể:

+ Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng, cáp quang đạt 41,5% (43.391 số hộ gia đình có kết nối/104.563 tổng số hộ gia đình).

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh 289.942 đạt 59,5% (289.942 số dân trưởng thành/ 487.340 dân số tỉnh).

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến 10.470 đạt 3,3% (10.470 tài khoản/319.273 dân số trong độ tuổi lao động).

+ Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 53,4% (260.000 hồ sơ/ 487.340 dân số tỉnh)

+ Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở: 100%;

+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở: 100%.

10.2. Tồn tại, hạn chế:

Các văn bản hướng dẫn cách tính, thu thập, thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số, phát triển Xã hội số còn thiếu hoặc chưa rõ ràng.

11. Kinh phí thực hiện

Việc bố trí kinh phí thực hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin trong phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số đã được quan tâm đầu tư từ nguồn NSNN, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. *(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo).*

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Quyết định 1509/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

Căn cứ Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 1543/KH-UBND ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 2533/KH-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Kế hoạch Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Lai Châu năm 2023 và các năm tiếp theo.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Hoàn thành cơ bản các mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy quá trình phát triển đô thị thông minh; từng bước hoàn thành chuyển đổi số đối với những chỉ tiêu cơ bản ở một số lĩnh vực quan trọng trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực. Nâng cao vị trí xếp hạng chuyển đổi số (DTI- Digital index) của tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh; triển khai chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển nhanh bền vững; đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tỉnh ủy Lai Châu Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lai Châu và Trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu.

- Đảm bảo hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh ổn định, an toàn, bảo mật thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính. Đảm bảo 100% cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

- 90% hồ sơ công việc tại tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế xã hội của tỉnh được thực hiện báo cáo theo triển khai và yêu cầu của Chính phủ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia tại địa chỉ <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn/>

- Tối thiểu 70% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có theo quy định;

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử;

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 9% GRDP của tỉnh.

- 80% hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên hộ gia đình.

- 100% hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên xã.

- 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

- 50% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 100% Cổng, Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, tùy theo yêu cầu sử dụng sẽ được bồi

dưỡng, hướng dẫn sử dụng và cập nhật bổ sung kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin dưới nhiều hình thức.

- 100% mạng nội bộ (LAN) các cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và cấp xã được trang bị máy tính để thực hiện công vụ.

- 100% cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách công nghệ thông tin được tập huấn hoặc diễn tập về an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

- Xây dựng Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024, triển khai hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh hoạt động Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo triển khai thực mở và phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở của địa phương.

- Triển khai xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số để phục vụ cho công tác truyền truyền và cung cấp các hoạt động về chuyển đổi số của tỉnh.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số ” trên Zalo

- Hướng dẫn người dân sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến - Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Lai Châu tại địa chỉ <https://dichvucong.laichau.gov.vn/>

- Hướng dẫn người dân tra cứu, tìm hiểu thông tin chỉ đạo điều hành trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ: <https://laichau.gov.vn/>

- Hướng dẫn người dân quan tâm, theo dõi, tương tác trên Official Account Zalo UBND tỉnh Lai Châu ; Fanpage của UBND tỉnh Lai Châu

tại địa chỉ:

- + Zalo UBND tỉnh: <https://zalo.me/ubndtinhlaichau>
- + Fanpage của UBND tỉnh: <https://www.facebook.com/ubndtinhlaichau/>.
- + Báo Lai Châu: <http://www.baolaichau.vn/>
- + Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: <http://laichautv.vn/>

2. Thẻ chế số

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An ninh mạng và các văn bản có liên quan trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thúc đẩy chuyển đổi số. Ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện các quy định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Thủ tướng chính phủ các Bộ ngành về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Xác định các văn bản, cơ chế, chính sách cần xây dựng để phát triển Chính phủ số/Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin, qua đó Ban hành các chính sách như:

- + Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình;
- + Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;
- + Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- + Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

- Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền.

- Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết chuyên đề của cấp uỷ, kế hoạch hành động của cấp chính quyền.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã thiết lập Cổng thông tin về Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu tại địa chỉ: <https://chuyendoiso.laichau.gov.vn/> và thường xuyên tổng hợp, cập nhật, bổ sung các văn bản về chính sách hiệu quả đã triển khai tại các địa phương để tham khảo.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục cập nhật nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ

thống thông tin trong nội bộ của Bộ, ngành, địa phương với các hệ thống bên ngoài.

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai xây lắp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lai Châu; Xây dựng Trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu; Thuê Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II kết nối đến các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ như:

- + Rà soát, xóa các vùng lốm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động: Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps. Gửi về Sở thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình UBND tỉnh đề xuất về Bộ thông tin và Truyền thông có giải pháp xử lý.

- + Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh: tổ chức thực hiện từng bước theo một lộ trình cụ thể. Trước tiên, mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, sau đó, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Đối với các gia đình thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa có thì đề xuất sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để đề xuất Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có thể hỗ trợ hoặc kết hợp các nguồn lực khác của tỉnh, kết hợp với doanh nghiệp viễn thông hoặc huy động các nguồn lực xã hội hoá để triển khai.

- + Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng: các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh có kế hoạch phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các khu vực khó khăn; thống kê các khu vực khó khăn chưa kết nối cáp quang để xem xét, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn, bản.

- + Thiết lập, khai thác hiệu quả trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh: thiết lập,

khai thác hiệu quả một trung tâm tích hợp dữ liệu tập trung đạt tiêu chuẩn quốc gia để phục vụ nhu cầu của tỉnh.

4. Dữ liệu số

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

- Triển khai và nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử; Xây dựng CSDL về trồng trọt; Tiếp tục duy trì, khai thác hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh; Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát minh bạch thông tin, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Hệ thống phát hiện sớm các điểm cháy rừng, hệ thống cảnh báo cháy rừng; trạm quan trắc giám sát, bảo vệ rừng, hệ thống phân vùng trọng điểm cháy rừng.

- Xây dựng CSDL về quản lý đất đai, CSDL về tài nguyên môi trường tại UBND các huyện, thành phố.

- Tiếp tục duy trì, khai thác hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành do Bộ Công Thương triển khai để cập nhật các thông tin và báo cáo định kỳ theo quy định như: Hệ thống CSDL năng lượng quốc gia (dataenergy.vn); Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (chemicaldata.gov.vn); Hệ thống CSDL Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (vpdd.dvctt.gov.vn); Trang Thông tin quản lý bán hàng đa cấp (vca.gov.vn)...

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

- Triển khai thực hiện Phần mềm Quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xây dựng.

- Thực hiện tạo lập cơ sở dữ liệu trên cơ sở lưu trữ điện tử. Đưa các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu để quản lý và khai thác, sử dụng, chuyển đổi dữ liệu dạng số sang dạng có cùng cấu trúc thiết kế cơ sở dữ liệu (về khoáng sản, tài nguyên nước,

khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ theo Kế hoạch số 1437/KHUBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (cơ sở dữ liệu trường, lớp học, học sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ, dân tộc... theo đặc thù của tỉnh).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế tập trung để quản lý các thông tin về y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh và chia sẻ với các hệ thống thông tin khác.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, phương tiện và người điều khiển phương tiện tham gia kinh doanh vận tải.

- Phát triển cơ sở dữ liệu: phối hợp với các bộ, ngành trong triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp. Trong đó tổ chức triển khai xây dựng, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung của mình theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyên đổi số.

- Cung cấp dữ liệu mở: triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. Trong đó triển khai sử dụng công cụ được cung cấp tại Cổng dữ liệu quốc gia để thiết lập chuyên trang cung cấp dữ liệu mở của tỉnh (Cổng dữ liệu quốc gia tại địa chỉ <https://data.gov.vn/> do Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng).

- Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức:

Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là nơi lưu trữ dữ liệu đã được số hoá của các giấy tờ, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân. Các dữ liệu đã được xác thực (cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký số hoặc xác thực qua các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành) trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là cơ sở để thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, cung cấp thông tin, giấy tờ trong

các giao dịch với cơ quan nhà nước thông qua Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức nói trên. Theo đó tập trung triển khai các nội dung:

+ Nghiên cứu, lựa chọn giải pháp Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức phù hợp để triển khai theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.

5. Nền tảng số

- Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử, phiên bản 2.0 cấp tỉnh đã được ban hành phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiếp tục sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm CNTT phục vụ công tác chuyên môn tại đơn vị mình.

- Tiếp tục duy trì cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, như: đưa tin, bài phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế; công bố các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; các thông tin tuyển dụng, đào tạo; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ, văn bản đi, đến của các sở, ban, ngành; đăng tải các dịch vụ công trực tuyến; đồng thời quảng bá về con người, tiềm năng và các thế mạnh của tỉnh; ...

- Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo thuộc 3 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân.

- Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, cụ thể:

+ Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính phủ số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

+ Việc triển khai Nền tảng gắn liền với công tác quản lý, thu thập, tổng hợp và chia sẻ dữ liệu; gắn với với hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước; gắn với việc giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại địa phương. Các địa phương cần xác định mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho Nền tảng, bao gồm việc xác định trước các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại địa phương cần giải quyết thông qua tổng hợp, phân tích dữ liệu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và nhận diện các nguồn dữ liệu quan trọng mà địa phương có thể thu thập, bao gồm dữ liệu nội bộ và dữ liệu từ bên ngoài; xác định các nguồn dữ liệu còn chưa được tổ chức, lưu trữ để từng bước tạo tập, quản lý và hình thành nguồn dữ liệu mới.

6. Nhân lực số

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực CNTT cho tỉnh. Tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về CNTT, tập trung các nội dung: Chuẩn kỹ năng CNTT; Kiến thức về Chính phủ điện tử và chuyển đổi số; An toàn thông tin mạng; Các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý vận hành các hệ thống thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội các cấp của tỉnh. Phấn đấu đảm bảo mỗi cơ quan Nhà nước bố trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Tổ chức hội nghị tập huấn "Nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại tại tỉnh Lai Châu".

- Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức: Ban hành kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động (trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến); xây dựng nội dung các khóa bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân: Triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của tỉnh; một số lĩnh vực có thể xem xét tập trung gồm có: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục.

Tham gia trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập. Trên Nền tảng này đã cung cấp 17 khóa học kỹ năng số cho người dân và khóa học cho Tổ công nghệ số cộng đồng để các địa phương có thể truy cập và sử dụng được ngay trên môi trường số.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng; chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam.

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra, rà soát xây dựng các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng, đề xuất cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

- Theo dõi, triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp; đảm bảo hệ thống được kết nối, chia sẻ giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo xử lý, loại bỏ mã độc, xử lý sự cố đột xuất và định kỳ theo quy định, đồng thời đây cũng là tài liệu kiểm chứng để đánh chỉ số DTI.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác đảm bảo an toàn thông tin; công tác kiểm tra, đánh giá, diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

- Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ

thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ. Cụ thể triển khai các nội dung:

+ Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

+ Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh trước 30/6/2024.

+ 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt trước 30/11/2024.

+ Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

+ Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

+ 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

8. Chính quyền số

- Triển khai xây dựng Công dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định.

- Triển khai việc nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các kênh số khác ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến; bổ sung những tính năng cá thể hóa cách tiếp cận dịch vụ; cá thể hóa thực hiện dịch vụ và cá thể hóa về trả kết quả dịch vụ để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường, quyết liệt, tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý, triển khai kết nối, sử dụng dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước và nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Triển khai rà soát, đánh giá, báo cáo mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, dự án đầu tư chuyển đổi số theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của HĐND tỉnh.

Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong đó triển khai các nội dung:

+ Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

+ Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).

- Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

- Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội). Kênh giao tiếp số hợp nhất là “điểm chạm” để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong trường hợp địa phương chưa sẵn sàng nguồn lực để triển khai thì có thể xem xét một trong các phương án nhanh chóng,

miễn phí là xây dựng kênh giao tiếp số trên các nền tảng số phổ biến hiện nay như Zalo Mini App, giúp người dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền ngay trên ứng dụng Zalo mà không cần cài đặt thêm ứng dụng khác.

9. Kinh tế số

- Tăng cường triển khai tổ chức các hội nghị chuyên đề về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; xây dựng doanh nghiệp mẫu, doanh nghiệp tiên phong về chuyên đổi số; triển khai Nghị quyết, Đề án về chuyên đổi số, Kinh tế số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số đầu tư tại tỉnh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND về việc Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị các doanh nghiệp viễn thông triển khai nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart;

- Triển khai Đo lường kinh tế số: đo lường kinh tế số ICT theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: 05 ngành, lĩnh vực mà Việt Nam có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế số, bao gồm: nông nghiệp, du lịch, logistics, dệt may và công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa: Cụ thể triển khai các nội dung:

+ Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

+ Định kỳ 6 tháng tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm.

10. Xã hội số

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện việc cấp danh tính số/ tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh theo quy định;

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 4475/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử.

- Mỗi người dân có một danh tính số: Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân. Trong đó triển khai các nội dung:

+ Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2.

+ Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số: Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số, trong đó Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, cụ thể triển khai các nội dung:

+ Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân.

+ Đối với các vùng, miền tiếp cận khó tới dịch vụ ngân hàng, địa phương phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng.

+ Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.

- + Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- + Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.

- Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến: Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Hiện nay, người dân có thể sử dụng tài khoản VNeID để truy cập các Cổng dịch vụ công. Trong đó Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cụ thể triển khai các nội dung:

- + Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

- + Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- + Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân: Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân. Cụ thể triển khai các nội dung:

- + Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.

- + Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số.

- + Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

- + Phối hợp với Bộ Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

- Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Phát triển trường học số: Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*".

- Phát triển bệnh viện số: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Phát triển làng số: Thông tin, tuyên truyền, phổ biến cho người dân tại các thôn, bản, tổ dân phố tham khảo tại Cổng Thông tin điện tử về làng số tại địa chỉ langso.dx.gov.vn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển Chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí đã được UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 và nguồn kinh phí huy động tài trợ, viện trợ, huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai các nội dung sau:

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

Chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm

vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số trên địa bàn, đảm bảo đạt được các mục tiêu theo tiến độ đề ra.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh triển khai có hiệu quả nội dung Kế hoạch này. Phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Cổng thông tin điện tử, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thẩm định các dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách năm 2024 cho hoạt động chuyển đổi số để triển khai Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính: Thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản quy định hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh về Chuyển đổi số. Đẩy mạnh Chuyển đổi số trong công tác thi đua, khen thưởng.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của ngành, địa phương mình, tập trung vào triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán các hoạt động và dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của ngành, địa phương.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Có **Phụ lục II**_Danh mục nhiệm vụ, dự án năm 2024 và **Phụ lục III**_Danh mục nhiệm vụ, dự án chưa được giao kinh phí năm 2024 (*đính kèm*).

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- V, C, CB, QT, KS;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp BC, VT, CNTT;
- Lưu: VT, VX4;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương